Người dịch: Bảo Trai Đường

XEM QUẺ CHÂN GÀ

HUẾ, 1978

Dịch từ Hán văn

Khoa xem chân gà

Sách này do Bảo Trai Đường chép để lại từ ngày 7 tháng 7 năm Thiệu Trị thứ bảy.

Theo lời ông này nói :

Ta thuật lại lời của Thánh để di truyền cho đời sau. nếu người nào quan tâm với đạo Thánh hiền. mà bỏ tà quy chính, hãy dạy cho đấy! Sách này nói rõ nghĩa lý thông tường, rõ ràng huyết mạch, muôn phần không mất một.

Quyển Khoa xem chân gà này.

Bảo Trai Đường
Kính chép

Bài phú

Làm phương châm đoán về địa mạch :
(Dịch từ bản chữ hán ra quốc ngữ)

Khi có trái đất, ban đầu còn mênh mang hỗn độn, chưa có ai xét đoán được .

Đến thời kỳ có loài người mới phôi thai, có cụ Bàn cổ mới lập ra thái cực mà chia ra lưỡng nghi.

Đến thời kỳ vua Phục Hy mới định ra Âm dương mà vạch ra bát quái.

Đến thời vua Văn Vương nhà Chu mới diễn ra Kinh dịch.

Đến thời Xuân Thu có ông Lỗ Ban và đức Khổng tử mới lập ra hệ thống từ và chữ.

Đến thời ông Lý Thuần mới làm ra Khoa bói tẩu mã.

Tiếp đến bà Cửu Thiên Huyền Nữ Phạm thị Chân tiên sư lập ra Khoa bói chân gà này: đã thâu tóm các sự bí ẩn của Trời đất, quán triệt được những niềm vui hoặc gở đưa lại cho nhân gian, lại biết được sự vận chuyển của mạch cục, khí đất động lặng rắn mềm...

Dùng ngón to (ngón giữa của chân gà) làm vị trí của Huyền-vũ.

Định ngón cun (ngón út nhỏ ngắn) làm hệ Chu-tước;

Lấy ngón trong của chân gà làm hệ Thanh long

Dùng ngón ngoài của chân gà làm hệ Bạch-hổ.

Lấy cung ngọ là hỏa và là vị trí của Đằng xà. nên lấy cái đó làm huyệt pháp.

Lấy cung giữa (còn gọi là đốt hay gọi là dóng) ở ngón giữa của chân gà làm cung Thổ và là vị trí của câu Trần.

Lấy đó mà định làm nơi tôn quý, (là mồ mả tổ tiên và giòng họ về sau thuộc về giòng san nào).

Nếu vị trí Thổ lệch sang ngón trái, thì lấy đó là vị trí câu Trần.

Nếu cung Thổ lệch thiên sang ngón phải thì định đó là vị trí của Đằng xà, đó cũng là vị trí chỉ cho về lục Thân, nếu ở chỗ đó có huyết hồng tươi làChân long (tức là đất tốt có mạch).

Cung giữa của ngón giữa (ngón dài) còn gọi là cung ngũ hào, nếu thấy huyết sắc tươi và như tơ nhỏ ấy là huyệt đài người hiền (cái huyệt đó).

Thứ nữa là tìm Long mạch, định tên của các ngôi Bát quái mà biết được thịnh suy;

Lại nói rộng ra : sét các quẻ hào, nắm được mười đơn vị hàng thiên can như ở trên bàn tay :

(10 đơn vị Thiên can là : Giáp Ất. Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quí) và khởi tính được ngũ hành :

(Ngũ hành là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ)

Phải biết được Âm dương có thuận? Phải xét trong ngoài, xếp đặt được các cung Bát quái : Càn, Khảm, Cấn. Chấn, mà thấy ở đó huyền sắc trôi chảy, nguyên vẹn, không pha trộn, Dương trôi chảy là thuận.

Thấy âm chảy rẽ khác ra là nghịch. Xét ở cung : Tốn, Ly, Khôn, Đoài, cần gấp rút thêm vào : Thấy

sinh là lợi cho mình, thấy ngang ra là khắc, khắc là ngược lại (không hợp lý, bất lợi).

Không động ấy là đất chỉ để mộ tạm chôn mà thôi, vì đó là đất không có mạch.

Thấy loạn động ấy là hồn phách không yên.

Có điểm đen ấy là phúc ít, họa nhiều. Thấy hưu trù (tức là thấy huyết ở các cung nói trên có ngắt ngừng lại) thì người nhà gặp tai ương, súc vật trong nhà sẽ bị chết tiệt.

Riêng vị trí cung Ngọ thấy huyết hồng tươi loang lổ là mộ đó ở về phương nam có án;

Thấy ở cung Tốn có hỷ sắc (tươi tốt) đó là điềm có bảng bút chi khoa, (ý nói là cho con cháu đỗ đạt). Ở nơi đầu mối thấy có huyết động là vượng lâu dài;

Các hào vị có huyết hưu (huyết đến đó ngắt ngừng lại) là phúc bị ít vì bị hãm.

Thấy ngón trong và ngón ngoài quay hướng vào nhau đó là điều mau chóng, nếu thấy ngón trong và ngón ngoài vẫy qua, lắc lại (vênh váo không quay vào nhau) là hiện tượng chậm).

Thấy trùng động (là ba đầu móng ở 3 đầu ngón, cả ba đều cúi quắm gục lồng lên nhau) hoặc trùng khắc (là sung khắc lồng lớp lên nhau) đó là cái thế sơn thủy bức bách xâm phạm mạnh (là sơn thủy cưỡng bách).

Thấy hỷ động, hỷ giao (là có đầu ngón giữa ngẩng lên, lại có ngón khác ở đầu móng cúi xuống và giao vào nhau) ấy là Long Hổ trùng điệp ứng gấp.

Hoặc ở vị trí cung càn thấy có huyết động lên đến cung đoài, ấy là mạch Kim uyển chuyển vào chùa hoặc vào miếu nào đó

Hoặc ở vị trí cung chấn thấy có ám phá (là tối phá) lên đến cung Tốn phải đoán đó là ảnh hưởng gốc cây và nhờ đó gió thổi vào, vậy là ở Phương Đông có chùa Phật đối lại (quay vào mộ đó), ở Phương Nam có đền đài xung khắc với mộ đó.

Nếu thấy huyết động ở cung Khảm, ở cung Hợi và Tý, ắt là về phía Bắc của mộ đó có Thủy khuyết xấu, đó gọi là Huyền vũ đoản hiệp (là bị gó ép).

Hoặc có huyết động ở cung Cấn, ở vị trí Sửu và Dần, là ở phía Đông bắc của ngôi mộ đó có Thổ bách ám, cái thế đó lộc thuộc bất minh (là trong nhà trong họ không yên).

Nếu thấy ở vị trí Tý và Sửu động huyết thì lại xem Kim mộc giao sung, ấy là nước mưa của Trời dội xuống động lại, hoặc là nước bùn lầy tràn vào phạm mà lay động; hoặc nước hoàng tuyền ở cạnh đó cuốn thẳng đi, hoặc sông ngòi đầm trạch nước lớn mênh mông, bị nước phá sau đầu, hoặc nước trong thung lũng trên núi chảy thẳng vào hoặc ở nóc nhà nào chảy thẳng vào.

Xem kỹ vị trí cung Cấn nếu có loang lổ ẩn dấu là có thổ sơn.

Bằng thấy ở cung Khôn có sắc khí tươi tía thí luận : Táng ở nơi gò đất lớn, lại có thần linh tại phương Bắc chiếu và ở phương Nam có đền trên đỉnh núi hoặc ở gò cao.

Nếu thấy ở cung Chấn động thì đoán là: có ba nhánh rễ cây gỗ xâm vào mộ.

Cùng ở đốt mão phương, thì đoán là ở chỗ đó có bờ ruộng hoặc đường đi thẳng phạm vào mộ.

Nếu chẳng vậy thì có mộc khí cựu thần sung tới, chân long chẳng ứng, (không hợp, không cho kết phát).

Nếu thấy ngón Lớn động lớn thì hẳn bờ góc ruộng bắn thẳng vào mặt mộ. Nếu không như vậy là: mộc phủ phong suy (gió thổi cái hơi gỗ cây thối nát đưa vào).

Nếu vị trí cung Thân có thấy mờ tối, hẳn là ngôi mộ đó bị ngọn núi che lấp hướng trước mặt, như vậy thì con trai trong nhà, trong họ bị cuồng điên hoặc hủi rụng tóc.

Nếu thấy hỏa huyết động ở vị trí cung Tỵ và Ngọ, và thấy Kim huyết loạn ở Mùi Thân, là chốn mộ đó trước đây có gio than bếp lửa đã làm hết khí; hoặc trước có đá nhọn của núi sông vào phạm đến mạch, đương hành hại.

Xem ở cung giữa có huyết thổ lẫn với huyết thủy, ấy là có sâu, kiến đang phá hoại xương cốt, nếu thấy thủy thanh ấy là có loài lươn chạch vào quan tài, hoặc vào tiểu.

Nếu thấy ở Khôn và Cấn có loạn động thì đoán :Nam giới chết trận.

Hoặc thấy ở cung Dần cung Thân có vết huyết như Kim chỉ ngang, hoặc ở Cấn Dần thấy sắc trong là

thủy tận sơn cùng; Nếu ở Dần và Dậu thấy có hồng sắc loang lổ, là đất thiêng sinh nhân hào kiệt.

Nếu thấy ngón cái co rút lại và đảo ngược lại, là đất chẳng được , người chết sẽ thiếu máu sợ hãi co dật chân tay mà chết.

Nếu nội ẩn (là ngón trong dấu đi) thì đoán là phi long (rồng bay).

Nếu ngoại ẩn (ngón ngoài dấu đi), đoán là: phi hổ (hổ bay).

Nếu ngón trong đè ngón cái ở chỗ: Hổ-tý, lại có huyết đọng, ấy là chu tước, phải đoán là mộ bị khô không có nước.

Nếu ở cung ngọ thấy khô như lửa đốt vào ấy là Huyền vũ, thì không có người nối dõi, vì phản huyệt (huyệt ngược), bất chính nên vong linh bất bình!

Đầu ngón cái ủ rũ co rút lại, còn là: "Long đoản Sơn, Khắc vong mệnh; - huyết đọng , cái tươi là: "Sơn chỉ long trường, mạch phụ quan hài" (là núi chắn, rồng dài, có mạch bổ sung cho quan tài và hài cốt).

Nếu huyết loạn ở ngoài ngón, là hổ không đủ chân!

Nếu huyết đọng ở trong ngón, là thân rồng chẳng tốt.

Nếu hai ngón : nội và ngoài như đôi mỵ mắt chầu vào nhau, chầu ngang nhau, đó là Long Hổ đầu sát. Nếu huyết điểm ở ngón cun (ngón nhỏ), ngón cun lại chỉ vào ngón nội, phải đoán là: nội loạn động, ắt phải đề phòng trộm cướp, dịch lệ, hỏa tai;

Nếu thấy huyết đen ở cung Khôn, (cung Khôn ở ngón ngoài) và ngón ngoài lại cúi ra ngoài, đó là cái mối hại người hại vật; và là cái mối tranh tụng, hoặc bị trộm đêm cướp ngày lấy của cải và còn bị kinh khủng về người và súc vật;

Nếu thấy máu sắc hồng tươi ở hai cung : Thân và dậu, đó là sẽ phát minh người "Quán cổ anh hùng";

Xem xét ở hai ngôi : Chấn và Đoài nếu có điểm thâm đen và thô(to), đó là con cháu dâm dục.

Thường xem ngón trong và ngón ngoài phù trợ tiếp nhau, và ngón cun (út) chỉ lên không, chỉ cao gần đến cung ly, cung khảm ấy là mộ ở vị trí Bính hướng Nhâm, lại xem hai cung : càn tốn thì lấy Tân hợi, và ngón cun chỉ gần ngôi tốn, là mộ tọa Bính, hoặc ở tốn san, nếu như phân kim thì rõ chốn đó, tức là mạch đất tốt vậy.

Nếu ngón cun chỉ gần trên cung Khôn, đó là ngồi hướng quý, nhìn về hướng đinh;

Bằng ngón cun chỉ vào giữa cung Khôn, nên lấy tâm ở cung cấn;

Cung Khôn có nhiều hồng huyết, nếu cung Cấn có nhiều sắc loang lổ và tươi hồng ở cung Khôn, ít sự liên hệ (rời rạc) ở cung bên : hoặc Bính Thân hoặc Bính Dần;

Nếu chỉ vào dưới cung Khôn là biểu thị con cháu có voi ngựa (ý nói con cháu sang giàu)

Nếu vào cung Chấn và Mão là thuộc vị trí Tân, lại thấu tươi tía là biểu thị có văn tinh bảng bút chi khoa (ý nói con cháu thi đỗ).

Nếu ở trên cung Chấn là vị trí chính ất có sắc hồng và loạn, đó là cho biết sắp có sự kiện cáo, khẩu thiệt, quan phi (bị phạt lẽ trái về mình).

Lấy cung Khôn là quẻ dâu rể

Định vị trí cấn dần là kho tàng. Quẻ Hào Khôn ẩn vết là dâu rể không tốt lành;

Ở vị trí cấn có nhiều loang lổ sắc, là mấu chốt kỳ lạ, quẻ ấy mà xung trong, lại hóa ra quẻ lành, nếu gấp lại là tốt lành, nếu ám đen là độc. Nếu ứng về Tây Bắc là Kim tức thủy vương; cửa thủy có chúa loài cá giải tụ hội.

Ở vị trí Đông Nam có hỏa sinh minh đường, có chim phượng chầu, là cái thế Long hổ trùng điệp; có sơn thủy lớp lớp, mạch hưng thịnh được lâu, hàng năm lại càng hưng thịnh lên./.

Bài phú chung (Hết)

Phép xem đầu gà

(Đầu gà là tượng trưng dáng người)

Hể hình dáng đầu gà mà tươi trắng, mở mắt, mở mồm, không có máu kết chằng chịt là tốt lành.

Nếu thấy không tươi, nhắm mắt, ngậm miệng, lại có máu kết chằng chịt là độc!

Phép xem huyết

Ở chân gà:

Nếu về mùa Xuân và Hạ thấy huyết đỏ tươi là lành, đen là độc. Nếu về mùa Thu và Đông thấy huyết sâm đen là tốt, đỏ là độc.

Chia bốn mùa thuộc bát quái :

- Ở cung Chấn là mùa Xuân
- Ở cung Đoài là mùa Thu
- Ở cung Ly là mùa Hạ
- Ở cung Khảm là mùa Đông

Phân chia ngũ hành thuộc bát quái mà suy ra :

- Ở cung : Ly là hành Hỏa
- Ở cung : Khảm là hành Thủy
- Ở cung : Đoài là hành Kim
- Ở cung : Tốn và Chấn là hành Mộc
- Ở cung : Cấn và Khôn là hành Thổ.

Định nghĩa tượng trưng của bát quái :

- Càn là Trời. - Khôn là đất.
- Khảm là nước. - Cấn là núi đồi.
- Chấn là điện, sấm sét. - Ly là lửa.
- Tốn là gió. - Đoài là đầm hồ sông ngòi.

Chia tám phương thuộc bát quái :

- Ở Chấn là chính phương Đông.
- Ở Tốn là phương Đông nam
- Ở Ly là thuộc về chính nam
- Ở Khôn là thuộc về Tây nam
- Ở Đoài là thuộc về chính Tây
- Ở Càn là thuộc về Tây Bắc
- Ở Khảm là thuộc về chính Bắc
- Ở Cấn là thuộc về Đông Bắc.

Phép xem chân gà

Trước ngày đó người định xem chân gà phải chay tịnh.

Đặt bàn thờ ở sân giữa trời, có bày : hương, đèn, trầu cau, và chén nước trong tinh khiết !

Con gà phải rửa sạch chân. Tay trái cầm chân trái của gà. Tay phải cầm chân phải của gà, mà cầu khấn rằng :

Kính tấu :

Thiên địa thần kỳ !

Kính xin :

Cửu Thiên huyền nữ Phạm thị Chân tiên sư, và chư thần linh bản thổ bản gia giáng lâm chứng tri minh bạch.[1]

Khấn xong, con gà ấy hoặc đem giết ngay, hay để ngày sau giết, trước khi giết phải nhổ lông cánh, lông đuôi, lông ở đầu gối và lấy vẩy chân ở dưới đầu

[1] Chú thích (1) : định xem về việc gì thì khấn vào

gối gà, mỗi thứ lấy 3 cái, nếu về mùa Thu và Đông thì lấy mỗi thứ 5 cái.

Khi luộc gà:

Mình con gà bỏ luộc riêng 1 nồi, còn 3 thứ lông, vẩy, lông đuôi nói trên bỏ vào 1 nồi, bỏ trước khi đun nước còn đương lạnh. Khi thấy nồi lông vẩy gà đó đã sui sủi thì bỏ đôi chân gà đó vào đợt thứ hai. Khi nhắc lên thấy các đường máu ở chân gà đã nổi rõ ra rồi là vừa độ thì thôi, bỏ ra, đừng để chín quá và đừng để dối quá.

Còn cái Thân con gà luộc ở nồi kia, thì cứ luộc chín kỹ, vớt ra đặt lên bàn để cùng với đôi chân gà làm lễ rồi lấy xuống xem.

Nếu cần xem một việc thì: lấy chân phải xem về cầu tài, lấy chân trái xem về bản mệnh. Nếu cần xem 2 việc một chân gà thì dùng ba gióng : (hay gọi là đốt) : gióng trên, gióng giữa, gióng dưới./.

Luận đoán xem về thổ trạch :

Cứ tuần tự sau đây mà suy cho tường :

- Kim là Bia - Thổ là gò đất.
- Mộc là rường như sà nhà. hoặc là cầu qua sông
- Hỏa là thần miếu
- Thủy là hồ ao
- Thổ mà có đới hỏa. thì luận rằng : nhà đất này mua của nhà có mới có người chết sao đây?
- Thế kim mà mộc hỏa sinh. hẳn là mua đồ vật gì của người ăn trộm, có ngày nhằm sao.
- Mộc hoành mà đới kim bao. là để bàn thờ uế tạp làm sao chẳng lành:

- Mộc hoành thổ bao quanh, luận là : gỗ cũ cố tìm lấy về dựng nhà làm chi
- Hỏa kim bao đới ấy thì: mua đồng khí vật làm chi đấy mà. Cận tuần thế hỏa trùng sinh. Thủy bao đầu hỏa gia đình gian truân, đoán rằng lửa uế như tẩm vào cốt Tào quân lạ thường.

Kim bao : ngưu ue bên tường
(phân trâu làm uế bên vách)
Thủy bao : là lợn làm uế ở bên rõ ràng.

Hỏa bao thổ bên ngoài, là do người phóng uế nào ai biết gì.

Lại xem chính vị trí ở thế chính mah suy ra
Mộc sinh thổ hỏa thì đoán là nhà tốt.

Mộc sinh mà thấy kim ra, thì đoán là nhà có gỗ mục nát, luận vào chẳng sai!

Huyết theo bên ngoài ngón cái, đoán là: một nhà hai bếp, hai bếp mmột nhà rõ rành:

Thổ nguyên tổ địa (là đất của tổ) để dành lại cho.

Thế hỏa vận thổ là mình tự lo. Ngũ hành ứng bên ngoài lạ thay, đoán là đất mới mua của cùng chi tổ ngoại, nếu mà thấy ngắt một hai phải đoán là Thiên di thổ trạch chẳng sai đâu mà.

Thế bên hành hiện sinh ra, đoán là: Bếp núc mới làm, lại gia cho tường. Hai bên thấy phiến xuyên ngang luận rằng cái ngõ là đường vào ra. Thế cung ở trên hai đốt lại giai(=đoán) : Kim trầm (chìm sâu không lộ ra) là thờ Phật, luận vào như y. Thổ trầm trách chủ làm kỳ. Mộc trầm thờ thánh chi đây! Hỏa trầm ấy thờ Thần. Tả có Kim. Hữu có hỏa huyết bày ra, giao nha thế tiết (đốt) là phải ân cần đèn nhang

(=lễ bái). Thủy trầm, thì đoán là đau khan, sinh phù khắc nhiễu luận thường chẳng sai.

Hỏa tuần, Kim lại bao ngoài, là đất ấy lôi đả có tai hay là.

Ở mộc có thủy bao, là thần từ phật tự rõ ràng như y.

Kim sinh lại lồng hỏa đấy thì:

Vườn chùa ruộng phật chiếm chi của ngài. Thủy sinh có hỏa thể hiện bày, đất ở trước đây có người thương vong. Lưỡng mộc vận hành song song lại không thấy huyết, mà chỉ hiện ở cung khác, phải đoán là: mộc kiếp bên nhà, bên ngõ có mộc ở xa chiếu vào. Thế căn có thủy bao, luận là: buôn bán chẳng hay tí nào.

Mộc căn sinh hỏa là gia súc tổn hao, quẻ vận cùng hỏa ấy là hào hỏa tai, ở bên hàng xóm có ba bốn lửa bài, thế cũng hiện mộc khói ngoài xóm lâu.

Độc thay : bên thủy đới hỏa là: nhà cháy bởi đứa dân nó thù. Thấy Kim có đới hỏa, là trộm cướp chi đồ nó thiêu;

Mộc sinh hỏa ở đầu ngón cao, là do lửa trên trời xuống thiêu;

Thủy mà đới hỏa ở bên, là độc : quan pháp hỏa tốc lời truyền trước sau.

Vận chìm mà thấy thế bạch không, luận rằng trong hàng ngoài ấp để nhà không.

Nguyên Kim mộc hỏa ra, ấy là phải đi quân dịch, người ta đã dành.

Luận đoan xem về phần mộ

Lại xem phần mộ ra sao?

Kim sinh ở cung càn hợi ấy là: mạch nhâm, thấy kim sinh mộc lại tới, cùng thủy sinh mộc thời tìm cấn long hoặc là mộc sinh hỏa phong (là mộc sinh hỏa ở Tốn) cùng Thổ sinh hỏa chấn long rõ ràng, mộ phần táng lại luận đoán cho tường :

Nếu thấy trầm thì mộ đặt ở phù, nếu thấy phù thì ở trầm, thấy bạch thì ở hắc, thấy hắc thì ở Bạch, cứ căn cứ vào đó mà suy luận. Thấy mộc trùng (mộc lồng) là mộ táng ở phần rừng hoặc táng nơi miễu rậm.

Thấy trùng thủy (là thủy lồng lên nhau) là mộ táng ở ao hồ, chẳng sai. Quẻ Kim là mộ táng ở gần chùa bên ngoài. Quẻ Thổ là mộ táng ở gần đền miếu chẳng xa. Quẻ mộ mà thấy tương sinh là táng ở ruộng nhà, tương khắc ấy là mộ táng nhờ ruộng người ta rõ ràng.

Lại xem huyệt thổ (là đất huyệt)

Phân minh : Thổ hoàng hắc bạch cứ hình tượng đó mà luận suy :

Hỏa vị, mộc vị hiện ra, đó là phát cho văn chương cái thế chẳng sai đâu mà; Kim vị, Thủy vị, thủy hiện ra, luận rằng : Phú quý vinh hoa đời đời.

Nếu mà quẻ mộ tương sung, luận rằng : mộ ấy không được đất, còn mong nỗi gì?

Tuần trung (là giữa cung) có thủy bao, thời đoán rằng : hỗn tạp, Thân thi chẳng toàn.

Thiên hình thấy huyết hiện ra (thấy huyết hiện ra ký hiệu thiên hình) là thiên lôi đánh mộ, ắt là tai

ương. Thâm bao hổ. thủy rương rương (=đầy ra
đoán là gái dâm đề ngược. Thường thường gian chu

Bên Long thủy tụ xâu, thì đoán là: Bại tr
trường chi đất mà;

Phương nam có thủy bao la, luận rằng miệ
co trường dị kỳ.

Tây phương có hỏa lồng tuần không (tu
không là ở giữa giáp giới của 2 đốt ngón), đoán
con cháu khất thực tây đông (ăn mày khắp nơi) b
bề.

Mộc trùng long hổ ở phương đông, sinh ngu
tự ải thường thường chẳng hay.

Hỏa trùng ở đẳng Nam : hẳn có họa rắn c
thực hay ấy là!

Bắc phương có thủy hiện ra : sinh người chá
dẫm chân voi hay gì!

Đông phương có thủy đới, thủy lợi bao th
phúc rầy hổ cắn tang thương.

Kim bao phần mộ bốn bề, luận rằng : ắt bị hìn
thương nạn ngoài!

Bốn bề có huyệt thủy bao, qui mà khắc thổ: b
đào gian nguy (là bị đắm đuối lũ lụt).

Hai bên Long Hổ sóng bày, luận tha : sinh tử
luận vào tự vô (chết ở nơi khác, và không con nối dõi

Thủy huyệt có bốn kim bao, luận rằng : phú
nghề đồ tể đấy mà thôi

Thủy bao Long Hổ huyết bày : luận rằng
Trong họ loạn luân chẳng lành!

Thủy bao Long Hổ hai bên, ở mộ có hỏa là bị cho điên cẩn đấy mà!

Long Kim, Hổ mộc giao nha (như hai ngà voi giao vào nhau), luận rằng : Anh em bất hòa chẳng sai!

Quẻ Kim, mộ mộc huyết bày : sinh người ốm héo chẳng sai đâu mà!

Mộ mộc mà sinh hỏa ra, có Kim long hổ ấy là bệnh phong (là hủi)

Kim hỏa mà hiện Hổ Long, hai bên chiếu sát lồng nhau, lại là bệnh lao.

Huyệt thổ trước, sau thủy bao : sinh người cổ chướng, chữa sao bệnh này.

Hỏa tuần, Thổ nguyệt, phát người đi tu.

Thủy long, thủy hổ ấy thì thói dâm

Kim lồng đới hỏa Hổ long, Huyệt nơi có thổ ấy, cháu con phi thường.

Thổ huyệt kim hiện bốn bên,
Quận công đỉnh phát gia đình hiển vinh,
Mộc huyệt kim án rành rành :
Sinh người bói toán tinh thông quẻ Hào,
Huyệt ở tam thổ tốt sao, bốn bên trùng hỏa ứng vào : đất phát trạng nguyên.

Huyệt mộc long hỏa hiện hình : đất phát thầy đồ văn chương.

Huyệt thổ Long hổ có hỏa ở bên : sinh người phò mã rạng thêm gia đình.

Huyệt thổ Kim án có huyết sinh, Hổ long ôm ấp : đa đinh hay mà!

Thủy huyệt thủy án hiện ra : sinh người say rượu, mê hoa tối ngày.

Huyệt ở chữ thập (+) lại có đường đi bao ngoài, đất này đoán chê: sinh người cờ bạc đời đời, nào ai ngăn được những người mê tâm./.

Luận đoán xem về bệnh tật

Xem bệnh cứ vận mà suy :
Khảm bao quẻ khắc cùng thời tam khưu
Thiên hình ngữ mộ càng xấu
hoàng tuyền Bạch hổ cùng hầu cốt thâm
Dũng tuyền đơn bạch lại tìm :
Trong ngoài khắc nhập chiếu tới cùng thời :
Thổ sinh là bệnh ở dạ dày,
nôn ọe, trĩ tả, da vàng gian nan!
Mộc sinh thời bệnh ở gan
Phong tà nhiễm tới, chân tay co cóp
Với thân hình đảo điên! hộn mê
nhỡn tật bất minh, tai điếc, sườn đau
Kinh hoàng; mồm nói lảm nhảm
Kim sinh bệnh phổi phát ra :
rãi nóng, ho sặc, âm hư mọi điều
Thủy sinh, bệnh thận đau lưng
phù thũng, thổ tức, tiện nghèo (=khó) chẳng thông
Hỏa sinh, tim đau đầu lạnh, miệng khô
bụng đau, họng phát mụn ra
Lộ sa (1) thế huyết ở bên Kim, luận rằng : cát bụi bên đường như bẩn vào đầu chẳng sai
Mộc sinh, mộc chiết phải tai (=hại)
Hỏa sa, đạo lộ, bệnh loài trúng phong

Thủy sa, bệnh mạn ở bến đò, bơ sông

Thổ sa, bệnh ôn dịch khí xung thiên thời

Các ngôi thấy hiện : thể Kim ra : là bệnh tiền kiếp chẳng sai đâu mà.

Vận Kim ở các vị trí không hiện rõ, là tiền duyên quyến luyến, luận vào chẳng sai

Quẻ Kim huyết trắng không bày : buồn phiền là do khí huyết nào ai biết gì? hoặc là trai nhớ gái, hoặc là gái tương tư mà phiền.

Mộc sinh, quẻ hỏa tự nhiên : là bệnh bởi bếp núc táo quân hành, vì chưng củi thối ở phương Nam đem về làm uế bếp, hoặc thối chỗ thờ trong nhà.

Thủy sinh, thể thổ ấy chẳng lành, có người đào bới phạm mạch thần kỳ

Thổ sinh quẻ thổ lại suy :

Đất ở này trước hai chi tranh dành,

Chủ nhân chẳng biết sự tình,

Bởi thể nhiễu động gia đình bấy nay

Thủy sinh quẻ thổ chẳng hay

Phạm thổ, úng tắc thủy, ở rầy Tây phương

Hỏa sinh quẻ thổ chẳng lành

Chủ lao nôn ọe, bệnh thường âm hư

Thủy sinh quẻ Kim ấy ư, vì chưng yêu nữ cùng chư thủy thần ở Bắc phương đang hành

Nếu như quẻ có một thủy huyết bày là: Trai bị bệnh phù thũng, gái kinh chẳng đều

Quẻ Kim : bệnh chẳng ai trêu,

là do phòng thất nói nhiều làm chi

Quẻ hỏa : bệnh tại thiên thời

lễ vật cầu đảo bệnh thì lại toàn

Mộc vận thể khảm, thổ nguyên

ấy là hào mười hai (quẻ 12) chẳng toàn đấy a
Nguyên vận thế vận sinh ra,
các cung cùng khổ, thực là chẳng hay
Thổ thế, mộc vận hiện bầy nguyên cung
Kim vận xấu thay những là
Vận phù nguyệt hợp luận ra :
nội ngoại phù vệ thì ta yên lành
Bốn tướng lại hệ rành rành
nhật, thời, niên, nguyệt mộc sinh hỏa đều,
ắt là bệnh tật hiển tiêu
Thọ trường sánh với tùng cao tiên thần./.

Luận đoán v/v
Xem cho dân làng

Lại xem một quẻ dân làng,
Nguyên Kim Phật vị, long thần tiếp theo,
Thành hoàng ở vận chiêu chiêu,
chăn nuôi dân sở tại cùng đều thế cung.
Ở Thiên bàn chia 5 sáu phần ở giữa cung :
- Tý: 1 là Lão, - 2 là Ấp,
3 là thông suốt yên lành,
4 là xã trưởng chết
5 là khán thủ
6 là giai đinh rõ ràng.

Khảm bao : Phật đến thành hoàng, Thành hoàng đã xuất tha phương ngày rày.

Kim sinh Thủy Thế bằng nay,
Thành đàn lục súc thịnh hay đó là;
Thủy mà đới mộc hiện ra ở cung tý
ấy là phú túc đinh đa an toàn

Nội ngoại thủy hỏa đào điên,

Hỏa thủy ở bản mệnh là liên miên

Kiện tụng chẳng lành, cung Týchẳng thuận huyết hình, luận là ôn dịch bất bình hại dân.

Kim mà đối hỏa nguyệt tuần, bệnh đa phong khí gian chuân đương thời,

Cung tý có thủy đới hỏa ở đầu là: con gái dâm dục loạn luân leo tường chơi đêm.

Nếu thế hỏa đối thổ ở trung ương cũng là đơn bạc đoạn thương sông hồ(=chết ở sông nước)

Thủy cư vận vỉ rủi ro : đằng sau miếu có kẻ đào bới để cho dân phù biến phong.

Thủy sinh thổ tại nguyên cung, là động đất mạch của chùa khai thông những là.

Thế cung thấy thổ hiện ra, động khai địa mạch ở về Bắc phương

Quẻ Kim sinh thủy rõ ràng, là thành hoàng bị uế, phải tạ nhương mới toàn.

Huyết thế tán loạn chia an, di cư nơi khác mới lành.

Tây đông mộc đới thổ ở vận cung, ví như công chúa Tống công chẳng hòa

Mộc ở vận hỏa ấy lành, lại gặp quẻ thổ trong ngoài phò thân

Ấy là duyên hợp Phan trần, kìa Trăm, nọ quạt, Kim ngân sang cầu./.

Luận đoán v/v xem quẻ cầu tài ¡dùng chân phải¿

Cầu tài quẻ ấy nhường nào?

Lấy mệnh làm căn ái, quẻ hào đầu tiên
Tương sinh là tốt, an toàn,
Tương sung tương khắc chẳng nên đâu mà
Mười phần thấy huyết hiện ra
Tám phần huyết ngoại ấy là đa thu
Nếu mà nội thịnh ngoại tù (là bên
ngoài hãm) cùng là gấp huyết :
Chỉ đỗ hữa lao vô ích (là có khó nhọc mà không có lợi)
Vận hổ quẻ hỏa tốt sao
Thế mộc, tý hỏa ứng vào phân minh
trong ngoài lại thấy hỏa sinh
Tiền tài được lắm rành rành vui thay.

Luận đoán xem về xuất hành

Kim huyết tụ ở đầu vị trí Kim là: xuất hành có trở ngại trì trệ, việc chẳng thành. Vận Kim : đi nửa đường chẳng yên. Thế Kim : lập chí ắt liền âu lo. Sinh nhập thì: đi nhanh chóng có thừa. Khắc nhập thì đoán : y như tai nàn./.

Tổng luận :

Vận Kim mà bên trái, bên phải có hỏa xuyên qua, là quẻ tai họa tự nhiên đó mà.

Vận mộc mà có mộc đới Kim ở bên, quẻ thổ có đới hỏa, ấy là có người kiện. chẳng yên!

Thế mộc căn hỏa (huyết hỏa) bày ra, quẻ hỏa lại gặp hỏa huyết tụ ấy là: cháy nhàchẳng sai.

Vận hỏa có đới thổ ay là: co tai ương. Quẻ sinh có mộc cung, là có Nam nhi lại cầu.

Kim sinh ở Kim, quẻ ở đầu hỏa, xem ra quẻ ấy chỉ là bị đòn (lôi đình). Vận Kim có mộc hiện rõ hình, Kim tuần hạ nguyên : lính binh chẳng bình.

Kim đời Kim thế có thêm lộ xa (là lộ bàng thổ) ở quẻ, ắt là buôn trâu.

Thế mộc ở vận hỏa thì càng mau, quẻ sinh có hỏa gia đình trọn vẹn. Thế Kim quẻ mộc khắc ở bên, xem ra quẻ ấy đột thấy có quái sự chẳng sai.

Thế thủy mà thấy huyết hỏa hiện bày, cho thấy rắn rết vô cớ ngoi vào nhà sân. Thấy mộc ở thế Kim là sẽ có gà gáy báo : song thân chẳng lành; Nếu có hai mộc thời có chim nhạn sa;

Thấy thủy ở Nam, hỏa ở Bắc, đó là có cá giải quấy rầy.

Trung ương, Nam, Bắc, Đông, Tây. Kim, mộc, thủy, hỏa hiện rầy cứ phương :

- Kim lồng Kim ở thế ấy rõ ràng : xem ra mất của bàng hoàng trong tâm;
- Thế Kim sinh hỏa chỉ đó là nồi đồng
- Nếu Kinh sinh mộc thời mất cày bừa
- Kim có hỏa ấy là mất tiền bạc
- Kim Kim là Giao kiếm về tay người rồi
- Kim thổ là mất bát chén cùng nồi

Cứ như thế vị mà soi hay là, Mộc mà đới hỏa ấy rõ ra ở bên, và tùy theo màu sắc mà luận ra tức thì. Thế mộc mà sinh hỏa chi, luận rằng : vải lụa cùng tơ mất rồng.

Khảm bao lại thấy huyết hiện bày

ở thế giáp với cung tý, quẻ này là mất xiêm y!

Lại luận :

Thủy, hỏa, thổ, mộc ở đầu ngón

Ấy là: Phật pháp. lời truyền chẳng sai

ở cung giữa ngón mà thấy có kim lại hai bên tả Nam, hữu bắc thấy có hỏa bày thời đoán là: Đương niên hành binh và lại gặp chúa bán thiên.

Ở cung thủy có Thủy hiện làm lạ: Thổ sinh đoán là tam phủ rõ ràng; Ở cung dưới của ngón mà thấy Kinh sinh, đoán là: bị thiếu nữ yêu tinh làm rồng. Nếu mà thấy hỏa ở cung giữa ngón, phải đoán : quan tướng của bản tỉnh đột nhập chẳng nhằm, nếu mà thấy thổ hiện bày. luận ra bản thổ phải tìm cho ra; nếu mộc tinh là mộc tinh sa, nếu thủy sinh là: Hà bá và ngoại là phạm nhan./.

Luận bàn về bệnh có chết hay không :

Vận thổ nguyên thổ, thế thổ đều phải xét ngũ hành mà luận đoán. Tìm rộng ra như vậy mới đoán được hẳn phải chết, hay không;

- Như Tuần vận bạc (như sóng dồn dập) ắt là phải chết.
- Nếu vận mộc mà thế thổ hiện ra. Trên đầu thổ hẳn là phải chết.
- Nếu bệnh nặng thì thể hiện ở xương, mà nhẹ thì thể hiện ở da (da chân gà)
- Nếu Khảm bao là bản mệnh cả năm bất vượng

Nếu nổi là tốt lành, chìm là độc. Hoặc thấy ở thủy lại sinh hổ, là chốn thổ có phạm.

Thổ thấy mộc, mộc lại sinh thủy, là bị chết ở sông đò (phải kiêng chốn sông đò). Hỏa mà sinh mộc động mộc ở ba bốn vị trí, ấy là bị thiêu nhà (nhà cháy)

Vua Phép xem bệnh đoán
Lành hay dữ:

Chính càn đốt ấy bên cha,
Trong khôn bên mẹ, có là bình nay?
Không động ấy là anh em
- Cấn khảm là động về Bá thúc,
động này mãnh Nam;
- Tốn ly là mãnh cái hành chẳng sai
(tức là tổ thấm làm)

Cô dì thì thấy ở ngoài đốt đoài đó rõ bày; ở trong đốt càn ấy là ở bên mình.

Ở ngoại càn là bên vợ đinh ninh họ hành; nội khôn xem đốt bên chồng, ngoại khôn bên vộ rành rành quá ư.

- Lục hào (quẻ thứ 6) phát đông tiên sư
- Ngũ hào (quẻ thứ 5) phát đông cung thành hoàng.

Nội cấn là xả lệnh chi thần
Ngoại cấn là động chúa quân trên rừng
- Thực hào Bạch hổ thanh long.
thời ta biết rằng : Quỷ mỵ ở xa.
Tiên cơ phù phép phải tra,
hung thần mới chết nó làm đấy thôi.
Nội ly phát động trên mây,
động vì "chúa cả" ở phương Nam.

Càn cung là đức "chúa bấy". ta liền luận ra, chúa càn là ấu tự bà rải đường thư án, người ta thề nguyền

Nội tốn là bị đức chúa bán thiên hành, gặp phải ở ngoài đông Nam đi về.

Cổ bàn khẩn khứa thỉnh cầu
Ngoại tốn thì phải cần lấy mảnh cô.

Phép xem về mất của người nào lấy :

- Ngón trong động là người trong nhà lấy
- Ngón ngoài động là người ngoài lấy
- Quẻ dương là quẻ: Càn, khảm, cấn, chấn
- Quẻ âm là quẻ: Tốn, ly, khôn, đoài

Nếu dương động là người Nam giới lấy
Nếu âm động là người nữ giới lấy
Ngoài phát động mà thấy co rút rồi lại
là còn khả năng tìm được .
- Ngón cái thấy co rút lại vào trong là
bất lực, khó tìm thấy.

Nếu ngón trong dấu lại thì phải cẩn thận, phải mau mau nghiêm cấm cẩn thận cái của đó còn dấu ở trong nhà chưa kịp đưa ra ngoài.

Lại phải xem ở bát quái và mười hai địa chi; phải phân chia ra mà so sánh với ngũ hành mà phán đoán :

Như ngón cun mà chỏ vào đốt dưới nên gấp rút tìm sẽ thấy được .

Nếu ngón cun chỏ vào đốt trên thì tìm chẳng thấy

Nếu ngón cun chỏ vào đốt giữa thì thong thà mà tìm chỗ cất cấu sẽ thấy.

Nếu ngón cun chỉ vào ngón cái thì cứ trong nhà mà tìm, gia nhân lấy.

Nếu cun chỉ trong thời tìm ở phương đông.
Nếu chỉ ngoài thì tìm ở phương tây
Nếu chỉ vào cái thì tìm ở phương Nam
Nếu chỉ không thì tìm ở phương Bắc
và chỉ không thì tìm chẳng được

Lại xem mất vật trong nhà
Truy theo lốt chân kẻ trộm

Quẻ nào như kim chỉ nam (ngón út) chỏ vào hướng cung : cấn và chấn thì đoán là Nam nhân trong nhà lấy trộm.

Nếu chỏ vào hướng tốn là Nữ nhân trong nhà chẳng sai, manh tâm nào phải người ngoài lấy đâu

Nếu chỏ vào khôn đoài thời Nữ nhân ở ngoài vào lấy mà thôi

Ở ngôi càn thấy động thì hẳn nam nhân bên ngoài vào lấy

Trong và ngoài cùng động tương xâm là trong nhà có kẻ làm nội công cho kẻ gian tham vọng, tức thì phải xét cả trong lẫn ngoài cho mau.

- Chỏ trong chấn tốn còn gần, lâu gia sa trữ mau chân đi tìm

- Chỏ càn chỏ khảm tuyệt tăm,

Chỏ không chỏ ngọ (cung ngọ) chớ tìm làm chi, chỉ mùi chỉ dậu thời đi./.

Tổng luận về xem :
Phần mộ:

Nguyên là: quan cùng quách
Vận là cốt nhục
Thế là quần áo
Vận thắt là: thân thi chẳng còn
Thế thắt : aws t có tiệt tự; hoặc câu toàn phát phúc thì tả và hữu phải kẹp đầu vào nhau;
Ngôi tả là trưởng Nam
Ngôi hữu là trưởng Nữ
Nếu tả và hữu cùng khắc là: mộ chôn nơi chẳng lành.
- Ở vị trí thế bên tả và hữu cùng thắt đoạn là mộ mới chôn.
- Chu tước có hỏa. mộc đới mộc là có sự tự ải (tự tử)
Đới thủy là có hiềm hận gì mà deo mình xuống sông chết.
- Thanh long mà thấp có thủy đới hỏa là có bệnh ở gan. ở mắt. ở huyền vũ là bói toán.
Kim mà có đới hỏa là chủ bị người ta kiện, hoặc bị giam giữ vì trộm cắp.
- Như thấy ở Bạch hổ có thủy là đ có bệnh hẳn chết.
- Phong là: Hủi hay điên cuồng
- Nếu thấy ở vị trí Long hổ hai bên giao nhau như đâm nhau (hay như bắn vào nhau) tức là Long hổ giao tranh. ở vị trí đó thấy có huyết như chữ là như tái thế long hổ chẳng quay đầu vậy.

Nếu thấy có thiên hình thì đoán là mộ bị sét đánh.

Nếu thấy ở giữa vị trí tuần không (tuần không là ở chỗ giáp giới 2 cung) có thủy bao thí luận là: Thây thi trong mộ đó hỗn tạp (có tạp chất lẫn vào).

Nếu thấy bên Long hổ có thủy thâm bao thì đoán là có con cháu Nữ giới đa dâm đẻ ngược.

Nếu thấy ở : Đông, Tây, Nam, Bắc, phương nào có ngũ hành tương sinh thì luận là: tại ngôi mộ ấy ứng.

Nếu như có thủy khẩu phóng (tuôn ra) thì cứ căn cứ hai bên tả và hữu mà luận đoán.

Nếu ba nơi đổ về ấy là phát phúc, nếu có tam cấp là tam chiếu :

Trường, trung, thứ, đó là tam cấp,
ở Nhâm tý và Quý hợi là thủy,
ở Giáp ất và Dần mão là mộc;
ở Bính Đinh và Tỵ ngọ là hỏa
ở Canh thân, tân dậu là Kim
ở Cấn là thổ,
ở Càn đoài là Kim
ở Chấn tốn là mộc.

Phép xem v/v an táng : (Dùng chân trái gà)

Lấy ngón cái là Trời đất,
Lấy ngón ngoài là Thần linh
Lấy cung cấn dần làm bản mệnh chủ nhân
Lấy cung tốn tỵ là tôn thân tộc thuộc
Lấy cung ngọ đảo lại, chỗ nào gò cao là

chỗ đất chính huyệt
Thấy cung ly có màu sắc loang lổ
chỗ ấy chẳng có chân long
ở vị trí Ngọ yêu cầu là trong sạch
Ngiêm chỉnh, sắc tươi sáng sủa

ở cung tốn nên tĩnh và nghiêm túc, sắc tươi cũng phù, ngón ngoài không nên duỗi thẳng ra, cung khôn nên hơi cúi như vái chào. Chỏ lên không, rất tốt đại thành. Chỏ vào giữa, thì bình an thứ cát, chỉ chìm xuống càn, khảm là người không được phát phúc, sẽ xảy ra việc tai ương, chỏ lên thượng ngọ và ly là chóng đạt công danh, ngôi đất lâu dừng lại.

Ngón út chỏ vào cung tốn tỵ thì tộc thuộc (trong họ) gian nguỵ. Nếu huyết động ở cung tốn là chủ nhân sợ hãi.

Ngón trong mà trọng cao là thần linh chẳng cho.

Ngón trong mà trong đen lối là người và súc vật thương tàn.

Ngón ngoài thì trong nhà tài lộc được đầy đủ.

Quẻ xem an táng đã lâu, phát văn phát võ công hầu toàn gia.

Cung ly đất cát quang hoa, chẳng phiền, chẳng đào ấy là chân long:

Ngón cái phiền (buồn ủ rũ), ngón trong uể oải chẳng hồng; ngón trong mà bình tĩnh sắc thanh phù trì. Ngón ngoài phù tốt, chẳng hồ nghi, nếu ngón ngoài dương lên là phải cầu Thần linh, chỉ dẫn là vọng mạng lo kinh; ngón trong chỉ nội bình minh chẳng ngờ; chỏ ly con cháu đề thưa, lợi danh phát đạt của thừa dư muôn:

Nhược bằng chỉ khảm chỉ càn, phúc thời chẳng phát, tai nàn liền tay, chỉ nội cái ủ (ủ rũ) chẳng hay, sát thương người vật, khốn thay mọi đường, chỉ trong ngoài lại cao cường : Thần linh quái hiên chẳng nhường đất cho. Chỉ không thời chẳng phải lo, bình an vô sự, cơ đồ bền lâu./.

Phép xem thăm mộ phần cũ :

Khi xem việc này phải lấu cung Dần là bản mệnh, cung dậu là cung tài lộc, âm khôn mà vêu lại là lao công. Dương tốn mà co ủ rũ xuống là phí sức, nếu ở cấn và đoài sắc tươi tía hẳn bội thu về của cải!

Nếu ở Dần và Dậu thâm đen đó là biểu thị kinh sợ thiếu mạnh (ít lớn) lại lấy huyết đọng mà suy gốc ngọn :

- Nếu mộc đọng thì rễ cây cỏ xâm phạm vào
- Hoặc phương đông có thủy đọng, thì nước bùn tràn đùn vào mộ

Hoặc ở phương Bắc có kim xâm làm trở ngại là: có gạch ngói sung vào mợ, hoặc có hỏa là có tro than loạn vào. ở cung giữa có thổ hổn, dưới (cung dưới) có thủy ngấm mộc là ứng thanh long. Hoặc bên tả có cây gỗ củi mục, bên Kim lại có thêm Bạch hổ, hoặc xuyên qua làm trở ngại cho bên hữu; ở đằng sau lưng bên Bắc có Nước chảy tràn ngập. Mặt Nam có hỏa phát nóng nhiệt! Ngón cái ở các cung giữa, trên, dưới đều kiên cố: chẳng nên rời đi; Ngón trong ở đốt một, hai, ba như có con đường nhỏ chọc vào là bình thường, nếu chỉ ra ngoài phải cầu đảo sẽ đều yên. Nếu

chỉ không là bảo toàn vô sự. Lại xem chỉ đến quẻ mộ phần an ninh để cho biết có phần được mừng :

- Ở cung chấn lại có huyết rây ở về đông hoặc tây là: có rễ cây xuyên vào; Bằng chưng huyết động ở cung ly là ở phía Nam của mộ bức bối có than sung vào, ở phía tây có đá cát lộn vào, ở cung đoài động tĩnh thời nào có hay; ở Bắc phương bước chảy bùn lại, cho nên Ngôi Khảm động rày phải thăm. Cung giữa huyết động giao xâm ắt là dưới đã cát lầm khó nghe.

Các cung chẳng thất động hề, đó là cát triệu chẳng ly lô nào; Chỉ không chỉ ngọ cái cao, cùng là trung khảm tốt sao chẳng rờ; Thấy cun thẳng chỉ kéo vào trong, thì dù tốn ngàn vàng, phải gấp rời đi ngay;

Cun chỉ ra ngoài thì sắm sửa cầu kỳ thần linh phù hộ, bĩ tuần mới xong.

Nếu mộc trọng là đông phương thiếu mạch, rễ cây xâm vào thấm trong quan tài hoặc tiểu. Nếu thủy động ở phương bắc xâm lạc là bùn lầy xâm vào cùng loài lươn nhệch chui vào ăn thi. Nếu có hỏa là than do loạn vào hoặc là hỏa nhiệt, đoán sao kẻo nhầm!

Có Kim là Bạch hổ địa xâm, cùung chưng đá đất sung tới hại nhiều. Có Thổ thời thổ hồn chẳng yêu. Có Thủy thời thủy hãm, đắm chiêu gia đình.

Chỉ cái trên dưới cùng trong ấy ngôi mà tốt vô cùng vinh hoa; Chỉ nội một hai cùng ba, ấy ngôi mà xấu, ngả ra chẳng lành. chỉ ngoài cầu kỳ sắm xanh. chỉ không bình tĩnh an ninh đời đời./.

Phép xem bát quái :

Khởi xem huyết và ráng ngón, ngón nào lành nhiều dữ ít; Huyết đều là bình an; Nếu đường huyết gấp lại về bên là độc, thì đoán là trăm sự chẳng yên những là.

Nếu thấy huyết hiện ra các hành thuộc ngũ hành ở nơi lưng ngón ắt là có sự đau yếu : ở càn là đầu; ở khảm là tai, chẳng hay; cấn là tay; chấn là chân, hiện rầy như y; Tốn là phong; Ly là ở mắt định kỳ; Khôn là bụng; Đoài là mồm và ruột; và căn cứ vào ngón út chỉ vào đâu đấy thì không nhầm; Phối hợp cùng bát quái mà tìm cho ra.

Biểu đồ ngũ hành :

Máu động theo ký hiệu Kim là hình = •

Máu động theo ký hiệu Mộc là hình = ▌

Máu động theo ký hiệu Thủy là hình = ⁂

Máu động theo ký hiệu Hỏa là hình = ✔

Máu động theo ký hiệu Thổ là hình = ■

Máu động Kim sinh hỏa : •✔

Máu động Kim sinh mộc : •▌

Máu động Kim sinh Thủy : •⁂

Máu động Kim đới Hỏa :

Máu động Kim đới Mộc :

Máu động Mộc sinh Hỏa :

Máu động Mộc sinh Kim :

Huyết động hình Mộc đới hỏa :

Huyết động hình Mộc đới kim :

Huyết động hình Thủy sinh Kim :

Huyết động hình Thủy đới Hỏa :

Huyết động hình Thủy đới Thổ :

Huyết động hình Thủy bao Kim :

Huyết động hình Hỏa sinh Mộc :

Huyết động hình Hỏa sinh Kim :

Huyết động hình Hỏa sinh Thổ :

Huyết động hình Hỏa đới Kim :

Huyết động hình Hỏa đới Mộc :

Huyết động hình Hỏa đới Thủy :

Huyết động hình Thổ sinh Hỏa :

Huyết động hình Thổ sinh Mộc :

Huyết động hình Thổ đới Kim :

Huyết động hình Thổ đới Hỏa :

Huyết động hình Thổ đới Thủy :

Xem huyết thuận bốn mùa

Mùa xuân xanh là huyết thuận
Mùa Hạ Hồng là huyết thuận
Mùa Thu Đen là huyết thuận
Mùa Đông Vàng là huyết thuận.

Dấu hiệu Thiên hình :

Dấu hiệu Khảm bao :

Dấu hiệu Hoàng tuyền :

Dấu hiệu Bạch hổ :

Dấu hiệu Tam Khưu :

Dấu hiệu Ngũ mộ :

Nếu thấy ngũ hành hiện ở bên ngoài, thì căn cứ vào ngũ hành mà luận đoán :
Thí dụ : Thấy Kim thìluận đoán là mộ kim tinh, đại để như vậy.

Hoặc ở canh tân là thận đậu mạch; Nếu thấy mộc thì luận đoán mạch ở dần mão, giáp ất lại.

Nếu thấy ngôi trên Kim khắc vào mộ mộc thì luận là có tội./.

Phương hướng chỉ dẫn huyết của gia truyền :

Ngũ hành định huyết
Huyết định ra tứ chi
Tứ chi lập ra tám huyết
Tám huyết định ra bản mệnh
Bản mệnh định ra quẻ (tức là quái)
Quẻ định ở cung giữa
Cung giữa hợp làm bản mệnh
Bản mệnh thuộc ngũ hành.

Ngũ hành là:

Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.
Nếu thấy
Kim đứng ở cung Kim
Mộc đứng ở cung Mộc
Thủy đứng ở cung Thủy
Hỏa đứng ở cung Hỏa
Thổ đứng ở cung Thổ

Là Bốn mùa đều vượng!

Tứ thời (4 mùa) chia làm 8 tiết

Tám tiết định ra Thiên can và địa chi

- Mười đơn vị Thiên can là: Giáp , Ất , Bính , Đinh , Mậu, Kỷ, Canh, Tân , Nhâm , Quý

- Mười hai đơn vị địa chi là: Tý , Sửu , Dần , Mão , Thìn , Tỵ, Ngọ , Mùi , Thân , Dậu , Tuất , Hợi

Thiên can định ra bát quái (8 quẻ). Từ quẻ thứ nhất đến quẻ thứ mười hai lại chia làm bốn mùa.

Bốn mùa chia ra làm tám huyết. Tám huyết định làm bốn vị tốt lành và bốn ngôi độc dữ.

Trong đoài, ngoài chấn là tốt lành
Trong khảm, ngoài ly là độc dữ
Từ cung giữa trở lên hợp làm trời
Từ cung giữa trở xuống hợp làm bản mệnh
Bản mệnh hợp ngũ hành
Ngũ hành chuyển đổi ra quẻ:
Kim sinh Thủy. Thủy sinh Mộc
Mộc sinh Hỏa. Hỏa sinh Thổ
Thổ sinh Kim. Kim sinh Thủy
Thủy phá Thổ. Thổ dưỡng Mộc
Thủy với Hỏa cùng sung khắc
Kim khắc Thổ. Thổ khắc Thủy
Thủy khắc Hỏa. Hỏa khắc Kim
Theo quẻ (=quái) bản mệnh :
Năm chuyển đổi ra ngũ hành
Ngũ hành chuyển đổi ra tháng
Tháng chuyển ra ngày
Ngày chuyển ra giờ
Giờ chuyển đổi ra khắc (=5 phút 1 khắc)

Khắc sung với giờ, giờ sung ngày, ngày sung tháng, tháng sung năm, năm sung vận

Cứ y như phép ấy mà luận :

Lấy chân phải là tượng trưng người ngoài, lấy chân trái là biểu thị vào bản mệnh chủ.

Không kể là gà sống hay gà mái, quyết đoán là lành hay là dữ. Nếu thấy ngón cái tươi, ngón trong phù ngón ngoài cúi xuống chỉ không, thời, có ốm, nhưng không việc gì.

Nếu thấy ngón cái vẩy qua, lắc lại và ủ mặt xuống, đồng thời ngón trong dấu vào trong là động, xung với ngón ngoài đều chỉ vào trong : thời bệnh nguy.

Nhược bằng cái tươi, ngón trong động thời chẳng phải lo

Bằng thấy huyết đóng thời cũng khá. Hễ thấy huyết rời rạc lăm tăm thời bệnh chẳng mòng (=mơ mòng). Ngón cun chỏ vào trong thì bởi thổ trạch của tổ tông thân thuộc xấu, như có tà ma: Nếu chỏ lên đốt trên là do tinh tổ. Tổ phụ quở phạt, nếu chỏ vào đốt giữa là do anh chị em hành; Nếu chỏ xuống đốt dưới là do : mãnh yêu làm hại. Nếu chỏ vào ngón cái thời do : Quỷ nhân, Thành hoàng; Nếu chỏ ra ngoài là do ngoại tà quấy nhiễu, chỉ lên đốt trên là do chúa thủy động đình, bán thiên hành. Chỉ vào đốt giữa là do yêu tinh dịch lệ hành; Nếu chỉ vào đốt dưới là do

Đạo lộ thương vong quấy nhiễu. Lễ đảo thì bệnh nhân không chết.

Lại bàn

Quỷ thần chẳng phải vô cớ mà xâm, bệnh tật không phải không có nguyên nhân mà khỏi bệnh. Ngũ hành là ngũ trạng, do cảm : nóng lạnh hàn nhiệt mà sinh ra, sáu mạch thấu lục tinh mà động, gân cốt da lông mà làm đầu tiên. Phải luận chu toàn về bát quái, rõ về sự thịnh suy của khí huyết; thứ đến xem sự vận chuyển của bốn mùa, phải xét đến các mối giây đường mạch ngang dọc mạnh hay yếu ra sao!

- Càn động là: ngũ đạo quý nhân, ngoài là kim thạch tinh chi đồ (lữ).

- Khảm động đến tổ tam lang, và tử nội lên quỷ thần, ở trên thì đoán là cao nhân, ở dưới thì đoán làloại giặc tà. Cung cấn động là do mãnh tổ từ đường bếp núc giáng tai, thần vị thiên thời, ngoại tổ, anh em tác nghiệt!

- Cung ly là hỏa đức mà cun chỉ vào đấy là bệnh thuộc thiên tào hành phạt, cung ly động thời gặp dịch lệ hành, nếu ở bên là thần phật nơi xa làng, mà ở chính giữa là thần phật bản ấp hành khiên;

- Cung chấn là Mộc mà động là do hồn của tổ bị sét đánh phạt, hoặc vì mộc tinh ở cổ thụ ở phương đông, cung tốn bị gẫy hại mà làm cho ra bệnh phong! hoặc tổ chi bị lạc hồn, hoặc vong linh chị em trong nhà định ra chứng bệnh mà suy ra!

Cun chỉ cung giữa thời cô hồn tổ làm. Chỉ bên là thổ công thần kỳ phạt; ở Đoài động là nữ yêu quấy nhiễu! ở chấn động là thân tổ, hoặc tiểu chỉ hoặc

huyết lưu, đều thuộc thân thể mà đoán : ở khôn ở càn ấy là ở bụng và tim đau! ở cấn ấy là đau ở ngực và lưng! ở Ly là mắt đau, ở đoài là bệnh ở mồm; Nếu ở chấn là bệnh tại khửu cánh tay; Nếu ở tốn là bệnh phong tà, hoặc bệnh điên cuồng, câm ngọng!

- Khảm là bệnh khí huyết, hoặc bệnh chướng tả, bụng sôi; Mọi chỗ huyết chẳng động giao, và chỉ không là đều không ai làm cả./.

Dưới đây giới thiệu

Các cách :

Tức là các kiểu của các quẻ chân gà)

1. Tứ hỷ cách :

Cách này là cả ba ngón cùng thẳng lên, hình như không dựa vào nhau, không dính vào nhau, không rối ngoặc vào nhau, có màu sắc tươi tỉnh, đó là biểu tượng hòa hợp, đều đại cát vậy./.

2. Kê ba cách :

Là kiểu ba đầu ngón (của ngón trong, ngón cái và ngón ngoài) đều thứ tự gối đầu ngón vào nhau, và cùng dựa vào nhau, giống như hình ba người cùng cúi theo một chiều, mà cùng vẫy vời, và đều có sắc tươi tỉnh, ấy là cách một nhà vui vẻ./.

3. Phù cái cách

Kiểu này là: ở giữa cung ly (cung ly ở đầu ngón cái) với cung chấn và tốn nhưghé vào hôn nhau, nhưng cung khảm và cung cấn lại không dính vào nhau (hơi xa cách bỏ trống) và có hỷ sắc (ở cung tốn tươi vui) ấy là biểu tượng : "Cầm giáo nhọn bền vậy, nếu ngón trong và ngoài đều như vậy là: cách nội ngoại phù cái"./.

4. Ủ cái cách :

Kiểu này : ở đầu ngón cái có nụt, có sắc ủ ụ, đó là biểu tượng chủ sẽ chuyên tay biến chuyển (có biến cố tráo trở)./.

5. Tinh cái cách :

Kiểu này có ba dóng của ngón trong cùng ghé vào ngón cái chút ít. và như sợ hãi phải cúi theo, như cùng cúi vái chào, ấy là biểu tượng : "Lục khuyến" (là 6 đốt thúc đẩy nhau) nếu ngón trong và ngón ngoài đều như vậy, gọi là: "Cách dựa cái" (dựa vào ngón cái).

6. Nội náu cách :

Kiểu này : cung Tốn ghé cúi vào cung ly; Ly che dấu cho cung tốn. ấy là cách ẩn nấp, như vậy là mọi sự phải dè chừng nếu ngón ngoài ẩn nấp cũng vậy, gọi là: "Cách ẩn nấp"./.

7. Nội ngăn cách :

Là kiểu : giữa cung Tốn và cung cấn có ghé dính vào ngón giữa (ngón cái), nhưng cung trung không ghé dính gì với cung chấn, mà ở đầu cung tốn lại chọc vào cung ly, đó gọi là: "Kéo ngăn quá cái" ấy là biểu tượng mọi sự có trở ngại. không nên làm ẩu, phải dè giặt./.

8. Ngoại dương cách :

(Còn gọi là ngoại ra tứ, nghĩa là ngoài uốn éo).

Kiểu này : ba dóng của ngón ngoài và ba dóng của ngón cái quay ngược nhau, và chẳng quay vào ngón cái một chút nào.

Quẻ này nếu đem về: cầu quan, cầu tài, cầu hôn nhân, là tối kỵ, nếu làm 3 việc trên đều chẳng đạt, mà còn có hại./.

9. Bổng cun cách :

Kiểu này là: có ngón cun cúi xuống, chỏ vào cung khôn hay cung đoài như đóng cửa ngăn ngại: nếu ở ngón cái tươi, các điểm có kỷ sắc là có sự vui mừng: nếu ngón cái co rụt lại, và cúi xuống là điềm độc dữ!

Nếu thấy bổng cun tươi cái mà xem về bệnh tật thì lại càng kỵ (độc), nếu bổng cun, cùng bổng cái thì cũng đoán như vậy!.

10. Liệp cun cách :

Kiểu này : có ngón út dẫm séo lên và vượt qua, thấy ngón út đè lên các cung : càn, khảm, cấn, đó là biểu tượng phải trì hoãn sự việc lại./.

11. Ngôi cái cách :

Kiểy này giống như núi đá lởm chởm gập gềnh, nó là ngón cái cao cất bổng mặt, đó là biểu tượng không hy vọng, còn chơi vơi, không chắc được việc./.

12. Nội nghịch cái cách :

Kiểu này có ngón trong xông ra ngoài, bỏ rời ngón cái, mà cúi xuống, thấy rõ ở bên phải đầu ngón

cái (chỗ cung ly); đó là mình đi tìm người khác, nên ở chỗ đằng sau lưng có tươi là điềm mừng./.

13. Ngoại quá cách :

Là kiểu : ngón ngoài xông ra, rời ngón cái, cúi xuống dưới, thể hiện ở bên trái đầu ngón, ấy là người ta tìm mình, như vậy phải nên đề phòong./.

14. Máy động cách :

Các đốt dưới của cả ba ngón chẳng dính liền nhau, mà ở đầu cung tốn lại tiếp giáp với cung ly, giống như gốc cây rưa tiếp nhận mũi tên (hoặc như mũi tên chọc vào cung ly), mà ngón cái lại gần tiểu chỉ (cun) ở cung ly ấy, vậy phải dựa vào bát quái mà xem, nếu ngón trong và ngón ngoài đều như thế, thì gọi là: "Cách cặp cổ", cách này tối độc./.

15. Động đẫn cách :

Là kiểu cung Ly ủ rũ co gục xuống, mà ngón có cung tốn lại vươn lên cao hơn, như lưỡi giao chặt hưng từ nửa cung ly trở xuống, coi đó là biểu tượng chủ nhà có sự cánh cánh bên lòng, và phải xem ngón cun chỉ vào cung nào, rồi dựa vào bát quái mà đoán. (Dù ngón trong hay ngón ngoài mà đều như vậy, thì cũng cùng một phép đoán)./.

16. Ngoại hơn tứ cách :

Kiểu này : còn gọi là thắng phụ chi hình, tức là thấy các cung : tốn, ly, khôn tranh nhau, cung ly lại

cúi xuống, coi đó là: sẽ có sự đánh nhau, kiện nhau; Nếu tốn cao hơn khôn ấy là: "Nội hơn tứ cách". Khôn cao hơn tốn ấy là: "Ngoại hơn tứ cách"./.

17. Đề cái cách :

Đầu cung ly co cúi, đầu khôn che dấu ở trên lưng cung ly, đó gọi là "Ngoại đè cái" (ngón ngoài đè ngón cái); nếu ngón trong đè cái tất có loạn từ trong loạn ra; ngoài đè cái hẳn có biến bên ngoài vào (loạn từ ngoài tới)./.

18. Thức hầu cách :

Đầu cung tốn sung chọc lại cung ly, ly cúi xuống dưới, ngón trong đè ngón cái, ngón ngoài vượt qua chèn ngón khác, đó là biểu hiện : "Bức gia" là nhà bị chèn ép./.

19. Vãn nội cách :

Ngón út chỉ bên tả, ấy là kéo ngón trong; chỉ vào cung cấn dần, ấy là biểu hiện kho vựa bị tuôn ra (mọi sự độc); Nếu ngón út chỉ ngoài là "Vãn ngoại cách" cách này là tốt lành./.

20 Tươi cái cách :

Thấy đầu ngón cái ngay thẳng ống, có vẻ sắc tươi tỉnh, không ủ rũ co rụt lại; coi đó là được đại cát, cũng như vậy mà hung huyết không phạm, đó gọi là: "Cách tươi cái"./.

Đồ thị hướng dẫn tên của các ngón chân gà

(để ngửa lòng bàn chân lên, tức là để mặt ân ngửa lên)

chân trái chân phải

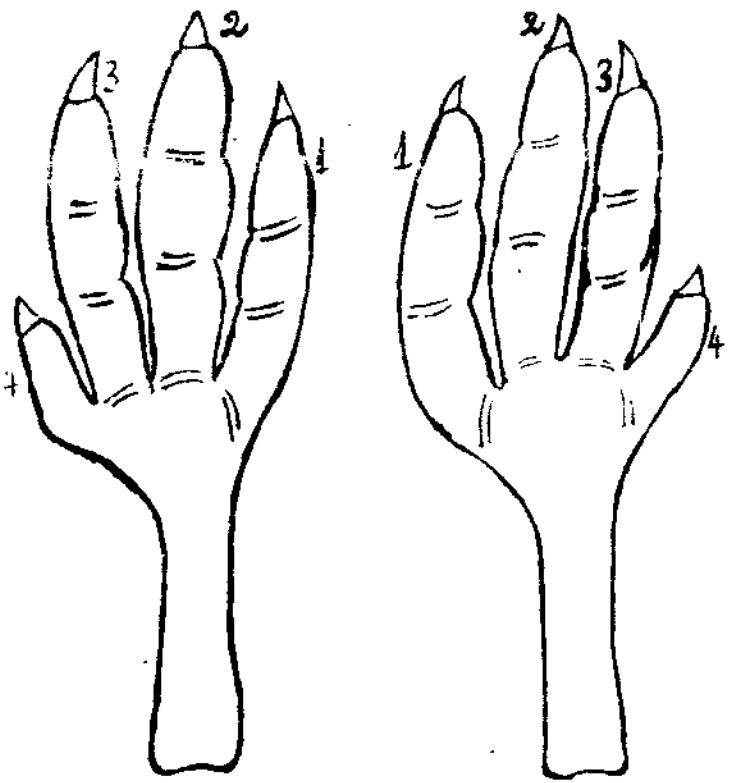

1. ngón ngoài (còn gọi là ngón ngoại)
2. ngón cái
3. ngón trong (còn gọi là ngón nội)
4. ngón cùng (hay gọi là ngón út hoặc tiểu chỉ).

ồ thị hướng dẫn các cung bát quái ở bàn chân gà, và chia 4 mùa

(để ngửa lòng bàn chân lên)

chân trái

chân phải

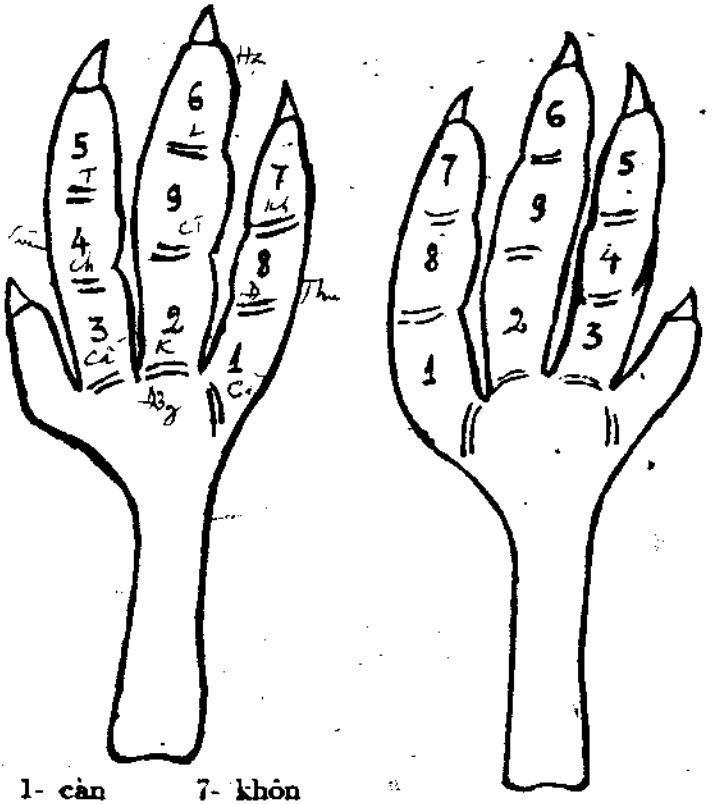

1- càn
2- khảm
3- cấn
4- chấn
5- tốn
6- ly
7- khôn
8- đoài
9- cung trung
mùa xuân ở chấn; mùa hạ ở ly
mùa thu ở đoài; mùa đông ở khảm

Đồ thị hướng dẫn các phương hướng các cung của chân gà (để ngửa)

chân trái

chân phải

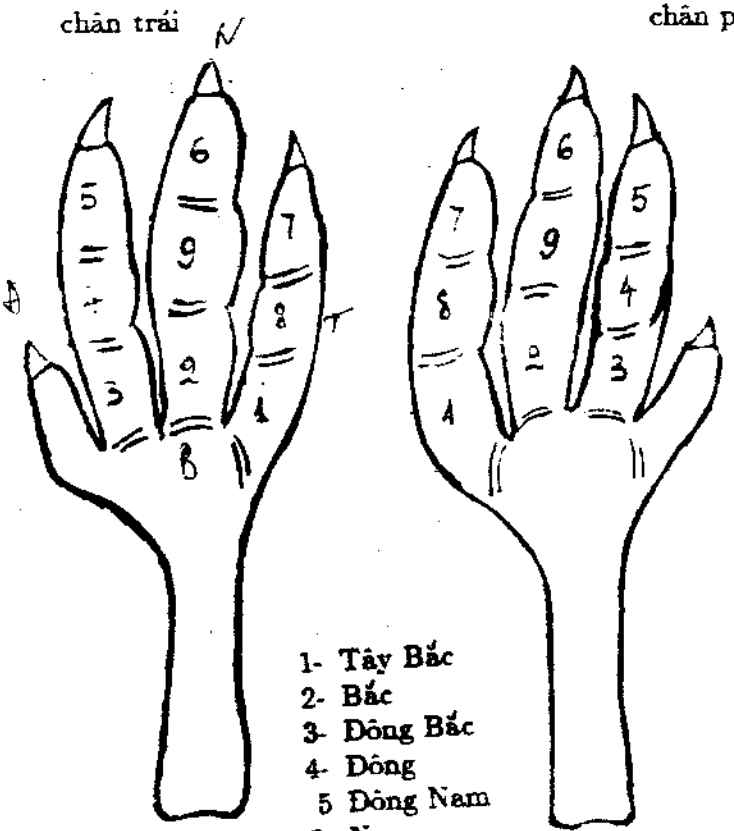

1- Tây Bắc
2- Bắc
3- Đông Bắc
4- Đông
5 Đông Nam
6- Nam
7- Tây Nam
8- Tây
9- Cung giữa

thị hướng dẫn các cung ngũ hành
ác dóng ngón chân gà (vẽ để ngửa)

chân trái chân phải

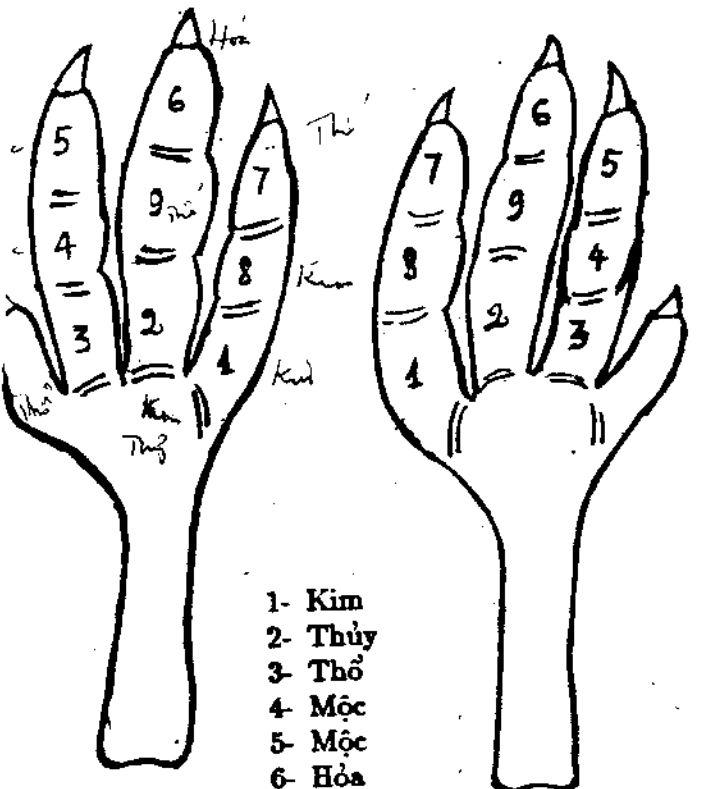

1- Kim
2- Thủy
3- Thổ
4- Mộc
5- Mộc
6- Hỏa
7- Thổ
8- Kim
9- Thổ

Đồ thị hướng dẫn vị trí 12 đơn vị địa chi ở các dóng ngón chân gà (vẽ để ngửa)

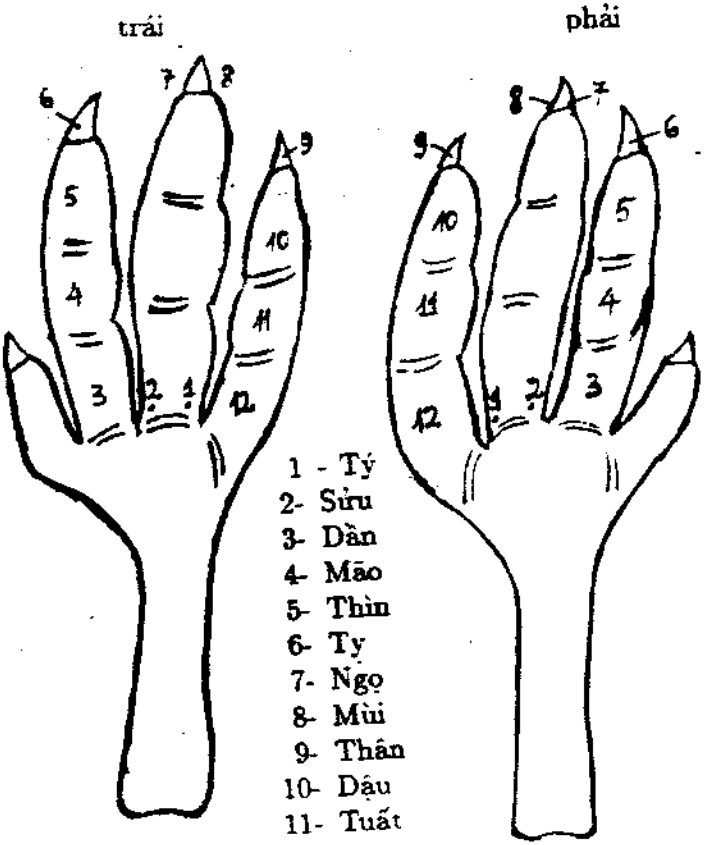

Chân trái xem bản mệnh

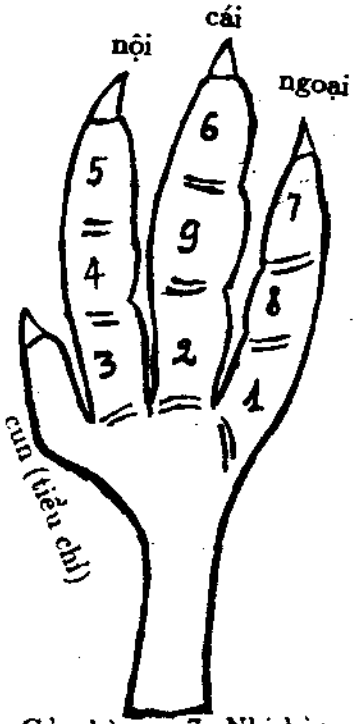

1. Thiên môn
   Lục hào
   Tây bắc
   Càn, Hợi
2. Sơ hào
   Thủy quan
   Cự môn, khảm
   Tý, Chính Bắc
3. Bát hào
   Thê tử
   Bản mệnh
   Cấn, đông Bắc , dần
4. Tam hào
   Lôi điện
   Chấn, chánh đông
   Mão , mộc
5. Tứ hào
   Triện dân
   Triều sỹ
   Đông nam, thìn
6. Cửu hào
   Giá long
   Chúa thiện
   Thử tướng
   Uy - nam
7. Nhị hào
   Ngoại cảnh
   Ngoại sơ
   Bách cốc
   Tây nam - Khôn
8. Thất hào
   Quan lộc
   Tài lộc
   Nô bộc
   Trạch, Đoài
   Tây nam
9. Ngũ hào
   Quan sự
   Thổ, truy sĩ vị
   Trung, chính

Chân phải xem cầu tài

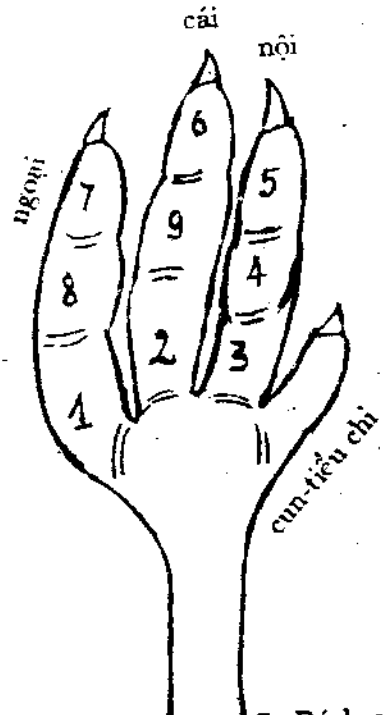

1. Lục hào
   Thiên môn
   Tây Bắc , Tuất Hợi
2. Sơ hào
   Thủy quan
   Thần hạ
   Chính Bắc Tý, thủy
3. Bát hào
   Sửu , vạn dân
   Chi ha
   Bản mệnh, thê
   tử, Đông Bắc Dần
4. Tam hào
   Lôi điện
   Chính Đông
   Mão , mộc
5. Tứ hào
   Phong vũ, nội gia
   Triệu dân
   Đông nam, Thìn , Tỵ

6. Cửu hao
   Tượng-hỏa, thử
   cửu trùng, thiện
   chúa sử
   chính nam, ngọ
   hỏa đức quân

7. Bách cốc
   Ngoại cảnh
   Ngoại hô
   Tây nam, Mùi
   Thân

8. Thất hào
   Tài lộc, nô bộc
   Chính Tây , Dậu
9. Ngũ hào
   Quan sư, trung th
   Địa vị

Xem an táng (dùng chân trái)

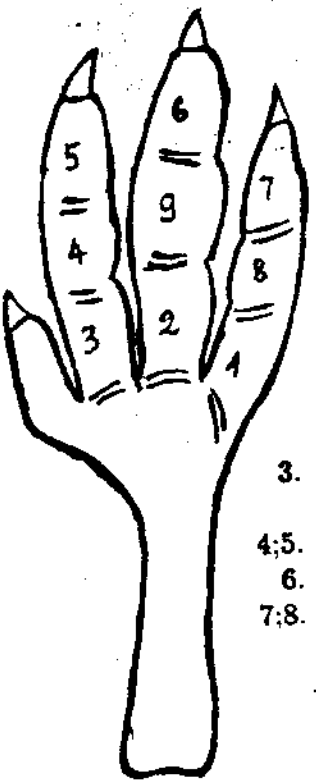

3. Bản mệnh
   Chủ nhân
4;5. Tộc thuộc
6. Thiên địa, quảng mạnh
7;8. Thần linh

Xem mất vật người nào lấy

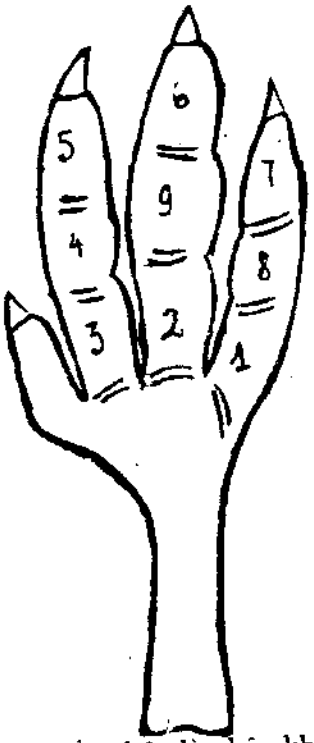

1. Càn; 2. Khảm
3. Bản mệnh, cấn, thê thiếp
4. Lộng nhân, chấn, trạch cận
5. Nối nam, Tốn, nội nhân
6. Bản chủ, ly
7 Ngoại nhân, khôn
8 Tài lộc, khâu nhân trục lý, Đoài
9. Cung truy

Chú thích

- Khẩu nhân là nhân khẩu (mỗi nhân định trong nhà)
- Trục lý : đuổi theo người hàng xóm hay trong làng
- Lộng nhân : là người hay ngắm nghía

Trạch cận là tìm chọn nơi gần. tìm nơi hàng xóm gần.